

Số: 198/BC-CTK

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Ba và quý I năm 2021

Năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu đã khiến kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Tuy nhiên, trong những tháng đầu năm 2021, triển vọng kinh tế toàn cầu đang được cải thiện khi niềm tin, tiêu dùng và thương mại dần được cải thiện nhờ nỗ lực tiêm chủng trên toàn thế giới có hiệu quả, đồng thời các nền kinh tế đã đối phó tốt hơn với dịch Covid-19 khi số ca mắc mới đang dần giảm xuống. Dự kiến kinh tế toàn cầu sẽ phục hồi khả quan trong năm 2021¹, trong đó các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi dự báo có mức phục hồi khác nhau. Đối với một số nước áp dụng các biện pháp ngăn chặn dịch Covid-19 hiệu quả, đầu tư công mạnh mẽ và hỗ trợ thanh khoản của ngân hàng Trung ương cao, quá trình phục hồi kinh tế sẽ nhanh hơn. Tuy nhiên, những quốc gia dựa vào du lịch, sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn do du lịch xuyên biên giới vẫn bị tác động bởi đại dịch.

Ở Việt Nam, tình hình kinh tế - xã hội ổn định nhờ thành công trong phòng, chống dịch Covid-19, vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên. Tuy nhiên, kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức do dịch Covid-19 xuất hiện trở lại trên địa bàn một số tỉnh, thành phố, trong đó có Thủ đô Hà Nội vào cuối tháng 01/2021, đây cũng là thời điểm trước Tết Nguyên đán Tân Sửu nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân. Trước tình hình đó, Thành phố đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đồng thời đưa ra nhiều giải pháp quan trọng góp phần giảm thiểu tác động, ảnh hưởng của dịch bệnh, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển. Kết quả cụ thể các ngành, lĩnh vực trong quý I/2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) quý I/2021 ước tính tăng 5,17% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 4,13% của quý I/2020 và cao hơn mức tăng chung của cả nước², đồng thời thể hiện tín hiệu khởi sắc của nền kinh tế.

¹ Theo Ngân hàng Thế giới, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến năm 2021 tăng 4% (năm 2020 giảm 4,3%); Quỹ Tiền tệ Quốc tế nhận định, nền kinh tế toàn cầu dự kiến năm 2021 tăng 5,5% (năm 2020 giảm 3,5%).

² GDP của cả nước quý I/2021 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát trở lại cuối tháng Một ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất và đời sống, Thành phố đạt được kết quả tăng trưởng tích cực trong quý I/2021 cho thấy tính kịp thời, hiệu quả các giải pháp của Thành phố trong chỉ đạo, điều hành thực hiện “mục tiêu kép”, vừa phòng, chống dịch bệnh với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, vừa đẩy mạnh sản xuất kinh doanh.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I năm nay ước tính tăng 2,51% (quý I/2020 giảm 1,04%), đóng góp 0,05 điểm phần trăm vào mức tăng GRDP. Những tháng đầu năm thời tiết tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, lúa và cây màu vụ Xuân sinh trưởng, phát triển tốt. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển ổn định, bệnh dịch tả lợn châu Phi cơ bản được kiểm soát, công tác tái đàn được quan tâm, đàn lợn hiện có tăng 18,2% so với cùng kỳ năm trước; đàn gia cầm tăng 5,4%; sản lượng thủy sản tăng 2,9%.

Khu vực công nghiệp, xây dựng quý I/2021 ước tính tăng 7,99% (quý I/2020 tăng 5,59%), đóng góp 1,52 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Dịch Covid-19 bùng phát trở lại vào cuối tháng Một tại một số địa phương, trong đó có Hà Nội đã tác động đến xu hướng phục hồi sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của Thành phố, dịch bệnh đã được kiểm soát tốt trong cộng đồng, sản xuất công nghiệp dần lấy lại đà tăng trưởng khá. Ngành công nghiệp quý I/2021 tăng 8,01% (quý I/2020 tăng 5,28%), đóng góp 0,97 điểm phần trăm vào mức tăng GRDP, trong đó ngành chế biến chế tạo tăng 7,97%; sản xuất phân phối điện tăng 6,54%; hoạt động cung cấp nước và xử lý, nước thải tăng 10,94%. Ngành xây dựng quý I/2021 ước tăng 7,97%, đóng góp 0,55 điểm phần trăm vào mức tăng chung nhờ Thành phố thực hiện quyết liệt các giải pháp nhằm thu hút đầu tư và đẩy mạnh thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công.

Khu vực dịch vụ ước tính quý I/2021 tăng 4,54% (quý I/2020 tăng 3,88%), đóng góp 2,94 điểm phần trăm vào mức tăng GRDP, trong đó một số ngành vẫn duy trì tăng trưởng khá: Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,43%; kinh doanh bất động sản tăng 7,6%; bán buôn, bán lẻ tăng 6,77%; thông tin, truyền thông tăng 6,67%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 10,1%; giáo dục và đào tạo tăng 7,04%. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên một số ngành tiếp tục tăng trưởng âm như: Hoạt động nghệ thuật, vui chơi và giải trí giảm 15,94%; hành chính và dịch vụ hỗ trợ (trong đó bao gồm hoạt động du lịch, lữ hành) giảm 7,3%; dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 6,36%; vận tải, kho bãi giảm 2,01%. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm quý I/2021 ước tính tăng 4,79% (quý I/2020 tăng 4,23%).

Tăng trưởng GRDP quý I/2021 (So với cùng kỳ năm trước)



2. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và thị trường chứng khoán

2.1. Thu, chi ngân sách³

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn quý I/2021 ước thực hiện 72,8 nghìn tỷ đồng, đạt 28,9% dự toán pháp lệnh năm 2021 và tăng 1% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó: Thu nội địa 67,4 nghìn tỷ đồng, đạt 29,1% dự toán và tăng 2,2% so với cùng kỳ; thu từ dầu thô 296 tỷ đồng, đạt 23,6% và bằng 21,1%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 5,1 nghìn tỷ đồng, đạt 27,3% và tăng 9%.

Trong tổng thu nội địa quý I/2021, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 15,6 nghìn tỷ đồng, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 7,9 nghìn tỷ đồng, tăng 19,3%; khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 18,7 nghìn tỷ đồng, tăng 18,2%; thuế thu nhập cá nhân đạt 9,7 nghìn tỷ đồng, giảm 1,5%; thu tiền sử dụng đất đạt 5,7 nghìn tỷ đồng, giảm 0,4%; thu lệ phí trước bạ đạt 1,8 nghìn tỷ đồng, tăng 4,4%; thu phí và lệ phí đạt 4 nghìn tỷ đồng, giảm 6,1%.

Chi ngân sách địa phương quý I/2021 ước thực hiện 14,2 nghìn tỷ đồng, đạt 13,1% dự toán năm, trong đó: Chi đầu tư phát triển 4,2 nghìn tỷ đồng, đạt 8,2%; chi thường xuyên 10 nghìn tỷ đồng, đạt 21,1%. Trong quý I/2021, ngân sách Thành phố ưu tiên các khoản chi cho sự nghiệp kinh tế tăng 36,1% so với cùng kỳ năm trước; sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề tăng 22,5%; đảm bảo xã hội tăng 19,9%; văn hóa thông tin tăng 19,7%.

³ Theo Báo cáo của Sở Tài chính Hà Nội ngày 29/3/2021.

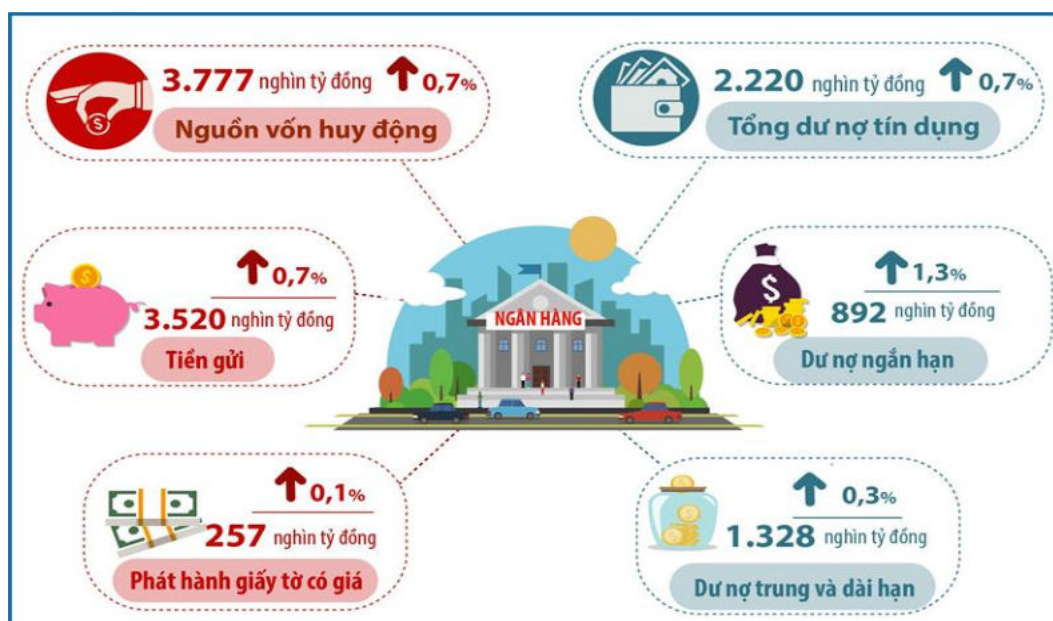
2.2. Tín dụng ngân hàng và bảo hiểm

Tình hình thực hiện lãi suất: Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mặt bằng lãi suất trên địa bàn đã được các tổ chức tín dụng (TCTD) điều chỉnh giảm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen. Lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,1-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,1-3,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,0-6,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 5,6-6,8%/năm. Lãi suất huy động USD của TCTD ở mức 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức.

Mặt bằng lãi suất cho vay bằng VND của TCTD phổ biến ở mức 5,5-8,0%/năm đối với ngắn hạn; 7,5-9,0%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) ở mức 4,5%/năm.

Hoạt động huy động vốn: Tính đến hết tháng Ba, tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố đạt 3.777 nghìn tỷ đồng, tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 0,7% so với thời điểm kết thúc năm 2020. Trong đó, tiền gửi VNĐ đạt 3.111 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8% so với thời điểm kết thúc năm 2020; tiền gửi ngoại tệ đạt 409 tỷ đồng, tăng 0,1%; tiền gửi tiết kiệm đạt 1.440 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5%; tiền gửi thanh toán đạt 2.080 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8%.

Tín dụng ngân hàng tính đến cuối tháng Ba năm 2021 (So với thời điểm cuối năm 2020)



Hoạt động tín dụng: Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ cho khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19; thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, tạm thời giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay phù hợp quy định của NHNN và xem xét cho khách hàng vay vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến hết tháng Ba, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn Thành phố đạt 2.220 nghìn tỷ đồng, tăng 0,1% so tháng trước và tăng 0,7% so với thời điểm kết thúc năm 2020, trong đó dư nợ cho vay đạt 2.005 nghìn tỷ đồng, chiếm 90,3% trong tổng dư nợ, tăng 0,1% và tăng 0,8%. Theo kỳ hạn, dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 892 nghìn tỷ đồng, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 1,3% so với thời điểm kết thúc năm 2020; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 1.328 nghìn tỷ đồng, tương đương tháng trước và tăng 0,3% so với thời điểm kết thúc năm 2020.

Cho vay theo các chương trình tín dụng: Đến hết tháng Ba, cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đạt 182 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,1% tổng dư nợ cho vay; xuất khẩu đạt 105 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,3%; hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ đạt 379 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,9%; bất động sản đạt 419 nghìn tỷ đồng, chiếm 20,9%; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 8 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,4%; chính sách xã hội đạt 9 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,5%; cho vay theo chương trình phục vụ nhu cầu đời sống đạt gần 388 nghìn tỷ đồng, chiếm 19,3%; cho vay chứng khoán đạt 7 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,4%.

Về chất lượng tín dụng: Các TCTD tích cực nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro thông qua việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm nhằm phát hiện các khoản vay có vấn đề trước khi phát sinh tình trạng nợ xấu. Tính đến hết tháng Ba, tỷ lệ nợ xấu của các TCTD chiếm 1,9% trong tổng dư nợ và 2,1% trong tổng dư nợ cho vay.

Hoạt động bảo hiểm: Đến hết quý I/2021, tỷ lệ bao phủ BHYT của Thành phố đạt 89,4% dân số (chưa bao gồm lực lượng vũ trang) với gần 7.250 nghìn người tham gia, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2020; có 1.816 người tham gia BHXH bắt buộc, tăng 3,7% và chiếm 37,3% lực lượng trong độ tuổi lao động; 47,6 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện, tăng 24,8% và chiếm 1%; có 1.751 nghìn người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, tăng 3,9% và chiếm 36%.

2.3. Thị trường chứng khoán

Tính đến hết tháng Hai, trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán (HNX và Upcom) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 1.262 doanh nghiệp niêm yết và đăng ký giao dịch, trong đó HNX có 353 doanh nghiệp và Upcom có 909 doanh nghiệp. Giá trị niêm yết trên cả hai sàn đạt 506 nghìn tỷ đồng, giảm 0,8% so với tháng trước và giảm 9,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 129 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% và giảm 6,4%; Upcom đạt 377 nghìn tỷ đồng, giảm 1,8% và giảm 10,4%. Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm

đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của tháng Hai đạt 1.316 nghìn tỷ đồng, tăng 7,7% so với tháng trước và tăng 27% so với cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 286 nghìn tỷ đồng, tăng 13% và tăng 43%; Upcom đạt 1.030 nghìn tỷ đồng, tăng 6,3% và tăng 23,2%.

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX): Tháng Hai năm nay trùng với Tết Nguyên đán Tân Sửu do vậy khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch giảm nhiều so với tháng Một. Cụ thể, khối lượng giao dịch đạt 1.724 triệu CP được chuyển nhượng, giảm 48,3% so với tháng trước và gấp 1,9 lần cùng kỳ năm trước; giá trị giao dịch đạt 28 nghìn tỷ đồng, giảm 42,1% và gấp 2,8 lần. Trong đó, giao dịch khớp lệnh đạt 1.614 triệu CP, giảm 47,7% so với tháng trước và gấp 2 lần cùng kỳ năm trước; giá trị đạt 26 nghìn tỷ đồng, giảm 40,3% và gấp 3 lần. Tính chung 2 tháng đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 5 tỷ CP với giá trị chuyển nhượng đạt 76 nghìn tỷ đồng, gấp 3,7 lần về khối lượng và gấp 4,9 lần về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư (NĐT): Tháng Hai, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp mới được 448 mã số giao dịch cho các NĐT nước ngoài (tổ chức 14 mã giao dịch; cá nhân 434 mã giao dịch), tăng 14,6% so với tháng trước và gấp 2,2 lần cùng kỳ năm trước. Số tài khoản giao dịch của các NĐT được cấp mới trong tháng Hai đạt 58 nghìn tài khoản.

3. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Ba giảm 0,21% so với tháng trước, tăng 1,53% so với tháng 12/2020 và tăng 1,12% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân quý I/2021 tăng nhẹ 0,04% so với bình quân cùng kỳ năm 2020.

Trong tháng Ba, có 7/11 nhóm hàng có chỉ số CPI giảm so với tháng trước, trong đó: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,54% (tác động làm giảm CPI chung 0,48%) do các mặt hàng thực phẩm giảm 2,24% (trong đó thịt lợn giảm 3,13%; thịt gia cầm giảm 1,41%; các loại thịt chế biến giảm 1,4%); giá các loại rau tươi, khô, chế biến tiếp tục giảm 8,97% do các loại rau, củ, quả đang vào vụ thu hoạch, cùng với thời tiết thuận lợi, năng suất cao nên nguồn cung dồi dào. Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,41%; bưu chính viễn thông giảm 0,22%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,11%. Các nhóm hàng còn lại có chỉ số giảm nhẹ, trong đó: Thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,05%; may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,02%; hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,19%. Có 3/11 nhóm hàng có chỉ số CPI tăng so với tháng trước: Nhóm giao thông tăng 2,36% (tác động làm tăng CPI chung 0,23%) do giá xăng, dầu điều chỉnh tăng vào ngày 12/3/2021 và ngày 27/3/2021 (xăng tăng 6,87%; dầu tăng 7,9%); nhà ở, điện nước và vật liệu xây dựng tăng 0,35%; nhóm giáo dục tăng 0,01%. Riêng nhóm thuốc và dịch vụ y tế giữ mức giá tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Ba và bình quân quý I/2021



Trong quý I/2021, một số nhóm hàng có chỉ số CPI bình quân tăng so với bình quân cùng kỳ: Nhóm giáo dục tăng 2,72%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,4%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,8%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,78%. Có 3/11 nhóm hàng có CPI bình quân giảm, trong đó nhóm giao thông giảm 5,13% do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên nhu cầu đi lại của người dân trong dịp Tết Nguyên đán giảm mạnh; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 3,35%; bưu chính, viễn thông giảm 1,09%.

Chỉ số giá vàng tháng Ba giảm 3,51% so với tháng trước, giảm 1,68% so với tháng 12/2020 và tăng 15,45% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân quý I/2021, chỉ số giá vàng tăng 22,33% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng Ba tăng 0,02% so với tháng trước, giảm 0,43% so với tháng 12/2020 và giảm 0,76% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân quý I/2021, chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,56% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

4. Đầu tư và xây dựng

4.1. Vốn đầu tư phát triển

Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn Thành phố quý I/2021 ước tính đạt 67 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vốn Nhà nước đạt 24 nghìn tỷ đồng, chiếm 35,6% tổng vốn đầu tư và tăng 17,2%; vốn ngoài nhà nước đạt 36 nghìn tỷ đồng, chiếm 53,6% và tăng 3,4%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 7 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,8% và tăng 5,5%.

Chia theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản quý I/2021 ước tính đạt 41 nghìn tỷ đồng, chiếm 60,4% tổng vốn đầu tư và tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2020; vốn mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất đạt 18 nghìn tỷ đồng, chiếm 26,6% và tăng 6,3%; vốn sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản đạt 3

ngàn tỷ đồng, chiếm 5,4% và tăng 24,5%; bổ sung vốn lưu động đạt 4 ngàn tỷ đồng, chiếm 6% và tăng 8,4%; vốn khác đạt 1 ngàn tỷ đồng, chiếm 1,6% và tăng 5,7%.

Tình hình thực hiện một số công trình, dự án trên địa bàn Thành phố:

Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2: Khởi công tháng 01/2021 có tổng mức đầu tư hơn 2,5 ngàn tỷ đồng với tổng chiều dài 3,4 km. Đến nay, đã hoàn thành thi công khoan một số cọc nhồi bê tông và tiếp tục triển khai hạng mục bộ mô trụ. Dự án sau khi hoàn thành sẽ tiếp tục hoàn thiện toàn bộ đường Vành đai 2, tăng cường khả năng lưu thông giữa hai bên bờ Sông Hồng.

Dự án hầm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3: Khởi công tháng 10/2020 có tổng mức đầu tư hơn 700 tỷ đồng với tổng chiều dài 475m, trong đó hầm kín là 95m, hầm hở và gờ chắn dài 380 (mỗi bên dài 190m). Đến nay, nhà thầu đang triển khai thi công những phần việc như lắp đặt hệ thống điện, nước đi ngầm,... dự kiến đến cuối tháng 6/2021 sẽ kết thúc giai đoạn I và tiến hành đào hầm thuộc giai đoạn II của dự án. Để đảm bảo tiến độ, nhà thầu đã chia công nhân thành 5 nhóm làm việc 24/24 giờ, dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 4/2022. Sau khi hoàn thành, dự án sẽ góp phần giảm tải nút tắc giữa đường Vành đai 3 với đường Lê Văn Lương.

Vốn đầu tư phát triển và đầu tư nước ngoài quý I/2021



4.2. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Tháng Ba, thành phố Hà Nội có 34 dự án FDI được cấp phép mới với tổng vốn đăng ký đạt 30,5 triệu USD, trong đó có 29 dự án 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; 05 dự án liên doanh, liên kết. Bên cạnh đó, có 9 dự án

được điều chỉnh tăng vốn đầu tư với số vốn bổ sung đạt 47,8 triệu USD; nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua phần vốn góp đạt 8,2 triệu USD. Lũy kế quý I/2021, tổng vốn đăng ký của các dự án FDI cấp phép mới và bổ sung vốn đạt 101,5 triệu USD, trong đó 49,8 triệu USD của 69 dự án cấp phép mới và 51,7 triệu USD của 22 dự án bổ sung vốn đầu tư. Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua phần vốn góp quý I/2021 đạt 50,7 triệu USD.

4.3. Hoạt động xây dựng

Trong quý I/2020, cùng với công tác xúc tiến, thu hút đầu tư; Thành phố đã chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị thi công tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình nhất là các công trình trọng điểm. Những tháng đầu năm, tranh thủ thời tiết thuận lợi các hộ dân cư cũng tiến hành khởi công xây dựng nhà ở, nhà hàng, nhà nghỉ. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên phần nào đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công một số công trình/dự án thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước và công trình xây dựng của các hộ dân cư.

Giá trị sản xuất ngành xây dựng quý I/2021 (theo giá so sánh) ước tính tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá trị xây dựng công trình nhà ở tăng 6,7%; xây dựng nhà không để ở tăng 7,9%; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng tăng 8,7%; xây dựng công trình chuyên dụng tăng 8,2%.

5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Trong tháng Ba, thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận cho 2.622 doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 23,6 nghìn tỷ đồng, giảm 2% về số lượng doanh nghiệp và giảm 7% vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 335 doanh nghiệp giải thể, tăng 82% so với cùng kỳ; 679 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 89%; 765 doanh nghiệp hoạt động trở lại, gấp 3,1 lần cùng kỳ.

Tình hình doanh nghiệp quý I/2021 (So với cùng kỳ năm trước)



Tính chung quý I/2021, Thành phố đã cấp giấy chứng nhận cho 5.873 doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 59,8 nghìn tỷ đồng, giảm 6% về số lượng doanh nghiệp và giảm 15% vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 901 doanh nghiệp giải thể, tăng 57% so với cùng kỳ; 4.880 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 56%; 3.993 doanh nghiệp hoạt động trở lại, gấp 2,1 lần cùng kỳ. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng được duy trì 100%, đảm bảo chất lượng và đúng hạn.

Theo kết quả điều tra xu hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong quý I/2021 có chuyển biến theo hướng tích cực hơn so với quý trước, trong đó: Có 22,6% số doanh nghiệp nhận định sản xuất kinh doanh quý I/2021 tốt hơn so với quý IV/2020; 38,7% doanh nghiệp cho rằng giữ nguyên và 38,7% doanh nghiệp cho rằng khó khăn hơn. Nếu những tháng tiếp theo tình hình dịch Covid-19 được khống chế, trong tầm kiểm soát, dự kiến trong quý II/2021, các doanh nghiệp đánh giá xu hướng sản xuất kinh doanh sẽ tốt lên so với quý I/2021 là 48,2%; giữ nguyên là 32,3% và khó khăn là 19,5%.

6. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

6.1. Nông nghiệp

Kết quả sản xuất vụ đông: Diện tích gieo trồng cây vụ đông năm nay đạt 28,2 nghìn ha, giảm 1,8% so với vụ đông năm trước. Đến nay, toàn Thành phố đã thu hoạch xong cây trồng vụ đông. Do thời tiết trong vụ thuận lợi, phù hợp với điều kiện sinh trưởng và phát triển của cây trồng nên năng suất cây vụ đông năm nay ước tăng so với vụ đông năm trước, trong đó ngô đạt 53,2 tạ/ha, tăng 0,7%; khoai lang đạt 92,6 tạ/ha, giảm 1,1%; đậu tương đạt 18,3 tạ/ha, tăng 12,5%; lạc 24,5 tạ/ha, tăng 6,6%; rau 232,5 tạ/ha, tăng 1,6%; đậu 17,8 tạ/ha, tăng 8%.

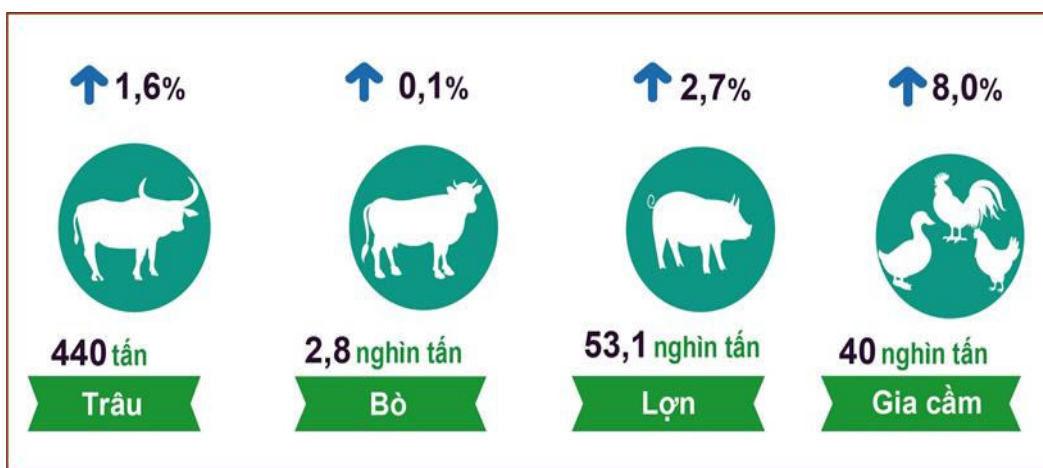
Tình hình sản xuất vụ xuân: Tính đến trung tuần tháng Ba, toàn Thành phố đã gieo trồng được 84,9 nghìn ha lúa, bằng 97,8% cùng kỳ năm trước; 3.396 ha ngô, bằng 95%; 158 ha khoai lang, bằng 52,5%; 181 ha đậu tương, bằng 60,3%; 1.471 ha lạc, bằng 92,6%; 8.343 ha rau, bằng 99,6%; 179 ha đậu, bằng 116,2%. Hiện nay, lúa và cây màu vụ xuân đang sinh trưởng và phát triển tốt, các địa phương vẫn tiếp tục chỉ đạo, thực hiện gieo trồng cây màu vụ xuân nhằm đảm bảo kế hoạch diện tích và kịp khung thời vụ.

Cây lâu năm: Diện tích cây lâu năm trên địa bàn Thành phố có xu hướng tăng do các địa phương tích cực đưa vào sản xuất trồng cây ăn quả, cây đặc sản có năng suất, chất lượng, mang lại giá trị kinh tế cao như thanh long ruột đỏ, ổi không hạt, đu đủ ruột tím,... Tính đến trung tuần tháng Ba, diện tích cây lâu năm toàn Thành phố hiện đạt 23,2 nghìn ha, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhóm cây ăn quả ước đạt 19,4 nghìn ha, tăng 2,6%; cây chè đạt

2.343 ha, giảm 4,7%; nhóm cây gia vị, dược liệu đạt 208 ha, tăng 5,1%; nhóm cây lấy quả chứa dầu đạt 23 ha, tăng 4,6%; nhóm cây lâu năm khác đạt 1.195, tăng 12,3%.

Chăn nuôi: Chăn nuôi trâu, bò những tháng đầu năm nhìn chung phát triển ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Đàn trâu có xu hướng tăng do một số cơ sở chăn nuôi trên địa bàn đầu tư tăng đàn nhằm phục vụ nhu cầu xuất khẩu thịt sang thị trường Trung Quốc. Đàn trâu hiện có 26,2 nghìn con, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò 130 nghìn con, tăng 0,5%. Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng quý I/2021 ước tính đạt 440 tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2020; sản lượng thịt bò đạt 2,8 nghìn tấn, tăng 0,1%. Chăn nuôi lợn trong tháng ổn định, từ ngày 25/2 đến 25/3/2021 trên địa bàn không xảy ra bệnh dịch tả lợn châu Phi. Tuy nhiên, trong quý I/2021 bệnh dịch vẫn xảy ra rải rác ở một số hộ chăn nuôi trên địa bàn⁴. Công tác tái đàn được địa phương quan tâm chú trọng, đàn lợn hiện có 1,3 triệu con, tăng 18,2% so với cùng kỳ năm trước⁵; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng quý I/2021 ước tính đạt 53,1 nghìn tấn, tăng 2,7%.

**Sản lượng thịt gia súc, gia cầm xuất chuồng quý I/2021
(So với cùng kỳ năm trước)**



Chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, tuy nhiên diễn biến thời tiết những tháng đầu năm 2021 có mưa phùn, lạnh và ẩm đã làm giảm sức đề kháng của vật nuôi, bệnh cúm gia cầm (A/H5N6) xảy ra rải rác tại một số hộ chăn nuôi trên địa bàn⁶. Đàn gia cầm hiện có 39 triệu con, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó đàn gà 26,8 triệu con, tăng 4,1%. Sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng quý I/2021 ước tính đạt 40 nghìn tấn, tăng 8%, trong đó thịt gà đạt 30,6 nghìn tấn, tăng 6,9%. Sản lượng trứng gia cầm đạt 608 triệu quả, tăng 5,5%, trong đó trứng gà đạt 320 triệu quả, tăng 4,4%.

⁴Tính chung từ đầu năm đến 25/3, bệnh dịch tả lợn châu Phi xảy ra tại 02 hộ chăn nuôi thuộc huyện Phúc Thọ và Đan Phượng, tiêu hủy 192 con lợn, trọng lượng 5.253 kg.

⁵Đàn lợn không bao gồm lợn sữa đạt 1,1 triệu con, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước.

⁶Trong tháng, bệnh cúm A/H5N6 xảy ra tại 14 hộ chăn nuôi thuộc huyện Ba Vì, Mê Linh và Chương Mỹ, tiêu hủy gần 32,4 nghìn con gia cầm. Tính chung từ đầu năm đến ngày 25/3/2021, bệnh cúm A/H5N6 xảy ra tại 26 hộ chăn nuôi thuộc 8 huyện, tiêu hủy 51 nghìn con gia cầm.

6.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất lâm nghiệp: Thành phố tích cực triển khai, phát động phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” Xuân Tân Sửu năm 2021 và hưởng ứng Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025. Đến nay, Thành phố đã trồng được 231,4 nghìn cây xanh, trong đó 80,1 nghìn cây đô thị, cây cảnh quan; 68,3 nghìn cây ăn quả; 83 nghìn cây lâm nghiệp lấy gỗ.

Diện tích rừng trồng mới tập trung từ đầu năm đến nay ước đạt 77 ha, giảm 14,4% so với cùng kỳ năm trước; diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 600 ha, giảm 2,4%; diện tích rừng được giao khoán bảo vệ đạt 2.690 ha, giảm 4,2%; sản lượng gỗ khai thác đạt 5.800 tấn, giảm 2,6%; sản lượng củi khai thác đạt 155 Ste, giảm 0,6%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 184 nghìn cây, tăng 1,7%.

Trong 3 tháng đầu năm đã xảy ra 07 vụ cháy rừng trên địa bàn huyện Sóc Sơn và huyện Ba Vì với tổng diện tích bị cháy là 9,8 ha (chủ yếu cháy thảm thực bì, không gây thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng). Các vụ cháy đều được phát hiện và huy động lực lượng dập tắt kịp thời, không để lan rộng và không ảnh hưởng lớn đến tài nguyên rừng.

Lâm nghiệp và thủy sản quý I/2021 (So với cùng kỳ năm trước)



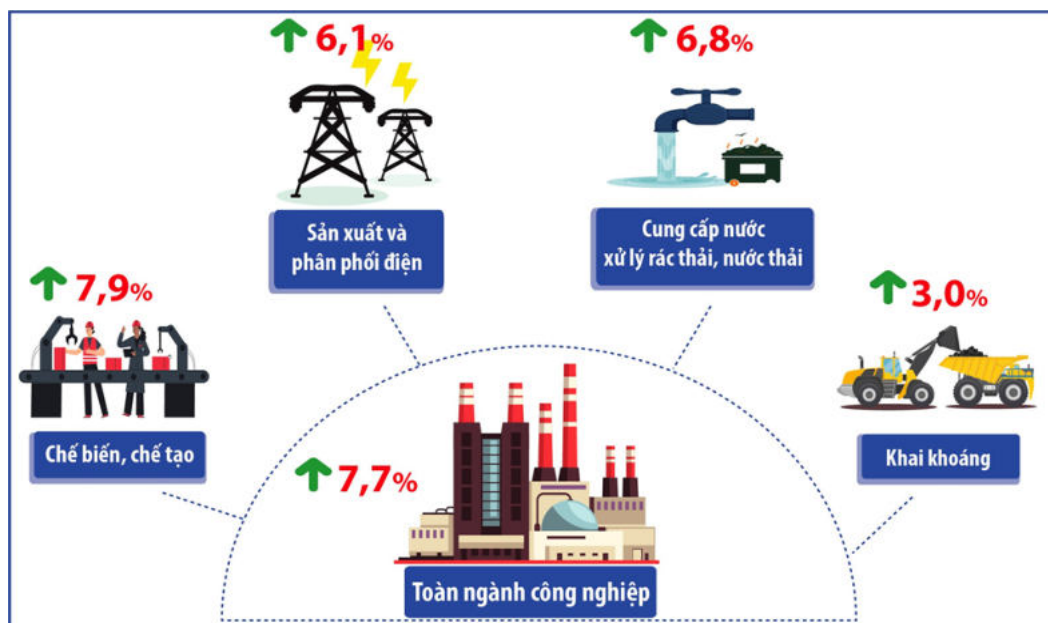
Sản xuất thủy sản trong tháng ổn định. Tổng sản lượng thủy sản tháng Ba ước tính đạt 7.815 nghìn tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu là sản lượng cá 7.794 tấn, tăng 3%), trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 7.700 tấn, tăng 3,1%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 115 tấn, giảm 1,7%. Tính chung quý I/2021, tổng sản lượng thủy sản đạt 24,6 nghìn tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước (sản lượng cá đạt 24,5 nghìn tấn, tăng 3%; tôm 4 tấn, tương đương cùng kỳ), trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 24,3 nghìn tấn, tăng 3%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 303 tấn, giảm 1,3%.

7. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp những tháng đầu năm tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, các doanh nghiệp nhận được nhiều đơn hàng xuất khẩu cùng với sự vào cuộc quyết liệt của Thành phố trong chỉ đạo, điều hành, phòng chống dịch và triển khai thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Ba ước tính tăng 12,9% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14% và tăng 8,1%; sản xuất và phân phối điện tăng 4,2% và tăng 6,8%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải tăng 2,8% và tăng 9%; khai khoáng tăng 7,8% và tăng 15,7%.

Tính chung quý I/2021, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2020. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo năm nay tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành chiếm tỉ trọng lớn tăng khá cao như: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 19,1%; sản xuất hóa chất và sản phẩm từ hóa chất tăng 18%; sản xuất đồ uống tăng 14,4%; sản xuất máy móc, thiết bị tăng 13,3%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 13,1%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 12,8%; sản xuất trang phục tăng 12,5%. Ngành cung cấp nước và xử lý rác, nước thải quý I/2021 tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,1%; ngành khai khoáng tăng 3%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp Quý I/2021 (So với cùng kỳ năm trước)



Chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Ba tăng 2,5% so với tháng trước và giảm 14,2% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung quý I/2021, chỉ số tiêu thụ giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó

một số ngành có chỉ số giảm: Sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 22%; sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 5,1%; sản phẩm dệt giảm 4,8%; xe có động cơ giảm 3%. Bên cạnh đó, chỉ số tiêu thụ một số sản phẩm công nghiệp tăng: Thiết bị điện tăng 70,1%; đồ uống tăng 57,6%; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 37,2%; hóa chất và sản phẩm từ hóa chất tăng 19,8%; da và các sản phẩm từ da tăng 16,7%; trang phục tăng 16,1%.

Chỉ số tồn kho công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Ba tăng 7,7% so với tháng trước và tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với cùng kỳ: Chế biến thực phẩm tăng 46,2%; thiết bị điện tăng 36,7%; sản phẩm điện tử, máy vi tính tăng 26,8%; xe có động cơ tăng 22,6%; sản phẩm từ cao su và plastic tăng 17,4%; sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 9%; thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 8,2%. Một số ngành công nghiệp có chỉ số tồn kho giảm: Giấy và sản phẩm từ giấy giảm 86,1%; hóa chất và sản phẩm từ hóa chất giảm 41,2%; sản phẩm dệt giảm 34,5%; giường, tủ, bàn ghế giảm 19,7%; kim loại giảm 11,7%.

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Ba và quý I/2021

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 3 so với cùng kỳ	QI/2021 so với cùng kỳ
Một số sản phẩm tăng		
Điện thoại thông minh (3 đến 6 triệu)	169,4	173,9
Tủ lạnh sử dụng trong gia đình	199,5	155,4
Thiết bị khác dùng cho động cơ	117,9	132,4
Phân bón	117,5	130,6
Sữa và kem chưa cô đặc	113,4	125,1
Thùng, hộp bìa cứng	151,1	124,1
Một số sản phẩm giảm		
Bộ phận của tua bin phản lực	44,4	80,8
Trạm thu phát gốc	87,9	82,4
Bộ phận của thiết bị điện	86,3	86,4
Cửa bằng sắt, thép	83,4	86,9
Cửa bằng plastic	78,8	91,9

Lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng Ba tăng 0,4% so với tháng trước và giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2021, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp giảm

0,5% so với quý I/2020, trong đó doanh nghiệp khu vực Nhà nước giảm 0,5%; khu vực ngoài Nhà nước giảm 4,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 2%. Chia theo ngành kinh tế, trong 3 tháng đầu năm, lao động đang làm việc trong ngành chế biến, chế tạo giảm 0,1% so với cùng kỳ năm trước; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt giảm 0,1%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,2%; ngành khai khoáng giảm 45,6%.

8. Thương mại, dịch vụ

8.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Những ngày cuối tháng Một, dịch Covid 19 xuất hiện trở lại với diễn biến phức tạp tại một số tỉnh, thành phố, trong đó có Hà Nội đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn. Người dân với tâm lý phòng, chống dịch bệnh, tránh những nơi đông người tại các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ dân sinh làm doanh thu thương mại, dịch vụ trong tháng Hai giảm đáng kể. Sang tháng Ba, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, các hoạt động kinh doanh dần bình thường trở lại.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Ba ước đạt 46 nghìn tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 31 nghìn tỷ đồng, tăng 2% và tăng 9,2%; doanh thu khách sạn, nhà hàng đạt 3,5 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% và tăng 28,6%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 415 tỷ đồng, tăng 2,7% và gấp 2,5 lần cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác đạt 11 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% và tăng 11,4%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng Quý I/2021 (So với cùng kỳ năm trước)



Tính chung quý I/2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 145,9 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 98,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 67,3% tổng mức và tăng 9,5% (doanh thu lương thực, thực phẩm tăng 12,3%; may mặc tăng 11,4%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 10,3%; nhiên liệu khác tăng 17,1%). Doanh thu khách sạn, nhà hàng đạt 11,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 8% và tăng 1,1% (doanh thu dịch vụ lưu trú giảm 17,3%; dịch vụ ăn uống tăng 2,6%). Doanh thu du lịch lữ hành đạt 1.282 tỷ đồng, chiếm 0,9% và giảm 30,1%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 34,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,8% và tăng 3,7%.

Công tác chuẩn bị nguồn hàng phục vụ nhân dân: Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, Thành phố đã tích cực triển khai đồng bộ các kế hoạch đảm bảo nguồn cung hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa. Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện liên tục giúp ổn định tâm lý người tiêu dùng yên tâm mua sắm; công tác nắm bắt thị trường cũng được tăng cường, đặc biệt hoạt động hỗ trợ tiêu thụ hàng nông sản cho các tỉnh, thành phố và các quận, huyện trên địa bàn bị ảnh hưởng của dịch Covid được đẩy mạnh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành thương mại.

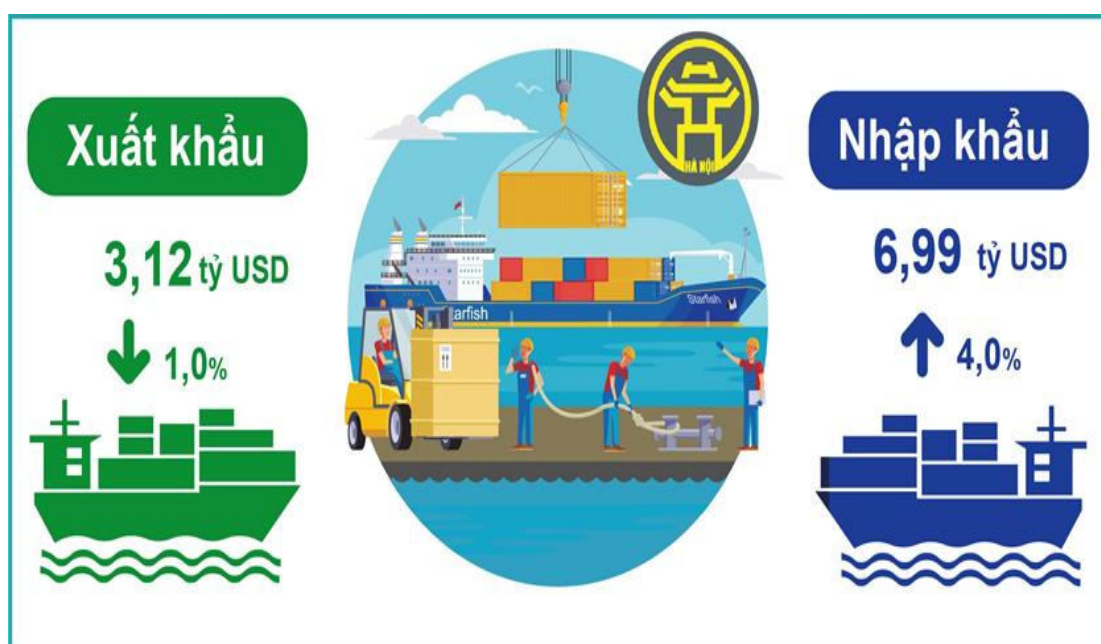
8.2. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Ba ước tính đạt 1.078 triệu USD, tăng 24,4% so với tháng trước và tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 578 triệu USD, tăng 28,7% và tăng 1,1%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 500 triệu USD, tăng 19,7% và tăng 0,5%. Trong tháng Ba, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn tăng cao so với cùng kỳ như: Điện thoại và linh kiện đạt 25,5 triệu USD, tăng 96,8%; xăng dầu đạt 45,6 triệu USD, tăng 27%; giày dép các loại đạt 20,5 triệu USD, tăng 25,4%. Một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so cùng kỳ như: Hàng nông sản đạt 52,7 triệu USD, giảm 38,4% (do đối tác nhập khẩu nâng cao chất lượng sản phẩm và yêu cầu hàng hóa phải có xuất xứ nguồn gốc đảm bảo an toàn thực phẩm); máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện đạt 136 triệu USD, giảm 27,1%; gỗ và sản phẩm từ gỗ đạt 42,5 triệu USD, giảm 19,9%; hàng dệt may đạt 118,6 triệu USD, giảm 17,2%.

Tính chung quý I/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 3.118 triệu USD, giảm 1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 1.605 triệu USD, giảm 9,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.513 triệu USD, tăng 9,7%. Một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu 3 tháng đầu năm nay tăng so với cùng kỳ: Điện thoại và linh kiện đạt 92,4 triệu USD, tăng 110%; giày dép đạt 77,6 triệu USD, tăng 24,6%; thủy tinh và sản phẩm từ

thủy tinh đạt 83,7 triệu USD, tăng 17,8%. Một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 283,3 triệu USD, giảm 15,7%; hàng nông sản đạt 141,3 triệu USD, giảm 30%; xăng dầu đạt 127,1 triệu USD, giảm 42,4%.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa quý I/2021
(So với cùng kỳ năm trước)



Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Ba ước tính đạt 2.177 triệu USD, tăng 3,3% so với tháng trước và giảm 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 1.678 triệu USD, tăng 3,3% và giảm 10%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 499 triệu USD, tăng 3,3% và giảm 10,1%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước như: Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện đạt 161 triệu USD, giảm 11,7%; máy móc thiết bị, phụ tùng đạt 429 triệu USD, giảm 12,6%; sắt, thép đạt 95,8 triệu USD, giảm 34,2%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh như: Ngô đạt 56,7 triệu USD, tăng 88,6%; xăng dầu đạt 155,5 triệu USD, tăng 70,2%; thức ăn gia súc đạt 51 triệu USD, tăng 33%.

Tính chung quý I năm nay, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 6.988 triệu USD, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 5.382 triệu USD, tăng 4%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 1.606 triệu USD, tăng 4,1%. Một số nhóm hàng có giá trị nhập khẩu lớn như: Máy móc thiết bị phụ tùng đạt 1.315 triệu USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện đạt 534 triệu USD, tăng 17,3%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 453 triệu USD, tăng 28,6%...

8.3. Vận tải và bưu chính chuyển phát

Tại Hà Nội, từ đầu tháng Ba khi dịch Covid-19 được kiểm soát, học sinh, sinh viên đã quay trở lại trường học, lượng xe tham gia đưa đón học sinh, sinh viên tăng lên đáng kể. Đồng thời, Thành phố tăng cường các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, do đó hoạt động vận tải hàng hóa và hành khách công cộng tăng lên rõ rệt.

Vận tải hành khách: Trong tháng Ba, số lượt hành khách vận chuyển ước đạt 32,6 triệu lượt hành khách, tăng 3% so với tháng trước và tăng 22,9% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 786 triệu lượt hành khách.km, tăng 12,7% và tăng 14,2%; doanh thu ước tính đạt 1.695 tỷ đồng, tăng 13,3% và tăng 16,9%. Tính chung quý I/2021, số lượt hành khách vận chuyển đạt 101,4 triệu lượt hành khách, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển đạt 2.343 triệu lượt hành khách.km, tăng 2,2%; doanh thu đạt 4.963 tỷ đồng, tăng 2,2% (quý I/2020, vận chuyển giảm 3% so với cùng kỳ năm trước; luân chuyển giảm 6,4%; doanh thu giảm 9,8%).

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng Ba ước tính đạt 72,6 triệu tấn, tăng 6,6% so với tháng trước và tăng 18,7% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 6.450 triệu tấn.km, tăng 5,6% và tăng 10,3%; doanh thu ước tính đạt 3.790 tỷ đồng, tăng 6,9% và tăng 25,9%. Tính chung quý I/2021, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 213,7 triệu tấn, tăng 10,8% so với quý I/2020; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 19 tỷ tấn.km, tăng 5,7%; doanh thu đạt 11,2 nghìn tỷ đồng, tăng 13,1% (quý I/2020, vận chuyển giảm 7,9%; luân chuyển giảm 1,8%; doanh thu giảm 2,8%).

Doanh thu hoạt động hỗ trợ vận tải tháng Ba ước tính đạt 5,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với tháng trước và tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2021, doanh thu đạt 14,8 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Doanh thu dịch vụ bưu chính chuyển phát tháng Ba ước tính đạt 744 tỷ đồng, tăng 5,5% so với tháng trước và tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung doanh thu quý I/2021 đạt 2,2 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2020.

8.4. Du lịch

Theo chỉ đạo của Chính phủ, từ tháng 4/2020 đến nay, Việt Nam vẫn chưa mở cửa đón khách du lịch quốc tế. Số người nước ngoài đến Hà Nội trong thời gian qua, chủ yếu là chuyên gia, người lao động lưu lại tại các địa phương của Việt Nam sau đó đến Hà Nội tham quan, làm việc.

Khách quốc tế đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ) tháng Ba ước tính đạt 17 nghìn lượt khách, tăng 47,1% so với tháng trước và giảm 81,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2021, khách quốc tế đến Hà Nội đạt 50

nghìn lượt khách, giảm 92,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Hàn Quốc đạt 18,3 nghìn lượt khách, giảm 82%; Nhật Bản đạt 6,5 nghìn lượt khách, giảm 86,7%; Trung Quốc đạt 5,6 nghìn lượt khách, giảm 88,3%; Mỹ đạt 2 nghìn lượt khách, giảm 95,8%...

Khách du lịch nội địa giảm mạnh do dịch Covid-19 bùng phát tại Hải Dương và một số tỉnh, thành phố, trong đó có Hà Nội vào cuối tháng 01/2021. Sang tháng Ba, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, các điểm di tích trên địa bàn Thành phố hoạt động trở lại, dự báo du lịch nội địa sẽ có nhiều khởi sắc. Khách trong nước đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ) tháng Ba ước tính đạt 133 nghìn lượt khách, gấp 2,2 lần tháng trước và giảm 24% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2021, khách trong nước đến Hà Nội đạt 230 nghìn lượt khách, giảm 85,7% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình kinh doanh khách sạn: Tháng Ba, công suất sử dụng phòng trung bình khối khách sạn 1- 5 sao ước đạt khoảng 17,5%, giảm 1,3% so với tháng trước và giảm 5,9% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung quý I/2021, công suất sử dụng phòng trung bình khối khách sạn 1- 5 sao khoảng 21,2%, giảm 21,8% so với quý I/2020.

Hiện nay, ngành du lịch Thủ đô đang tích cực đưa ra nhiều giải pháp nhằm kích cầu du lịch như: Tổ chức Lễ hội kích cầu du lịch năm 2021 và giới thiệu văn hóa ẩm thực Hà Nội (từ ngày 16-18/4/2021); tổ chức Diễn đàn liên kết phát triển du lịch giữa thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Nghệ An và các tỉnh Bắc Trung Bộ mở rộng năm 2021; tổ chức “Diễn đàn du lịch nội địa toàn quốc năm 2021” tại Hà Nội (tháng 4/2021). Đồng thời, cùng với việc triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 trong nước, dự báo du lịch Thủ đô thời gian tới cũng sẽ dần phục hồi.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động và giải quyết việc làm

Trong 3 tháng đầu năm 2021, toàn Thành phố giải quyết việc làm cho khoảng 30 nghìn lao động, đạt 18,7% kế hoạch năm và giảm 9,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho đối tượng nghèo, đối tượng chính sách xã hội vay với tổng số tiền là 199 tỷ đồng, giúp tạo việc làm cho 4,7 nghìn lao động. Tổ chức thành công 45 phiên giao dịch việc làm với 1,2 nghìn lượt đơn vị, doanh nghiệp tham gia, có 5,9 nghìn lượt lao động được phỏng vấn và kết quả 2,1 nghìn người được tuyển dụng. Thành phố đã tiếp nhận hơn 15,5 nghìn hồ sơ đề nghị hưởng Bảo hiểm thất nghiệp; Quyết định hưởng trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp cho 15 nghìn người với số tiền 378 tỷ đồng. Hỗ trợ học nghề cho 700 người với số tiền 2,1 tỷ đồng.

2. Công tác bảo đảm an sinh xã hội

Công tác đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội tiếp tục được chính quyền các cấp quan tâm thực hiện. Đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu vừa qua, toàn Thành phố đã tặng gần 1.450,3 nghìn suất quà cho các đối tượng chính sách ưu đãi người có công; hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; đối tượng bảo trợ xã hội, người khuyết tật; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; công nhân viên chức lao động đã nghỉ hưu, mất sức lao động với tổng số tiền hơn 616,6 tỷ đồng, đạt 166,1% kế hoạch.

Thực hiện Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg ngày 19/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Thành phố Hà Nội thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn. Đến nay toàn Thành phố đã thực hiện hỗ trợ cho trên 515,5 nghìn người, với tổng số tiền là 608,5 tỷ đồng bao gồm các đối tượng: người có công; bảo trợ xã hội, nhân khẩu thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không lương; người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm và hộ kinh doanh gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19⁷.

3. Giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Sau khi dịch Covid-19 bùng phát trở lại cuối tháng Một, trẻ em, học sinh các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn Hà Nội nghỉ học từ ngày 31/01/2021 đến ngày 07/2/2021 để phòng chống dịch. Tuy nhiên, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 khi xuất hiện thêm các ca dương tính trong cộng đồng, Thành phố quyết định cho học sinh các cấp trên địa bàn tiếp tục tạm dừng đến trường từ ngày 17/02/2021 đến hết ngày 28/02/2021. Đồng thời, các cơ sở giáo dục tổ chức dạy học trực tuyến qua internet để chương trình học của các cấp không bị gián đoạn, đảm bảo nề nếp và chất lượng. Sang tháng Ba, dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, ngành giáo dục Thành phố cho học sinh các cấp đi học trở lại từ ngày 02/3/2021, đồng thời chấp hành nghiêm các quy định về phòng, chống dịch Covid-19.

Trong quý I/2021, mặc dù chịu ảnh hưởng và tác động bởi dịch Covid-19 nhưng toàn ngành Giáo dục Thủ đô đã đạt được nhiều kết quả quan trọng tại các kỳ thi trong nước và quốc tế: Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2020 - 2021, Hà Nội là địa phương có số thí sinh đạt giải nhiều nhất cả nước⁸. Kỳ thi

⁷ Trong đó: Giai đoạn I (hoàn thành từ tháng 9/2020): Toàn Thành phố đã hỗ trợ cho 514 nghìn người và hộ kinh doanh với số tiền gần 604,3 tỷ đồng. Giai đoạn II (hoàn thành trong tháng 1/2021): Hỗ trợ cho 1,5 nghìn người lao động với số tiền gần 4,3 tỷ đồng.

⁸ Kết quả có 11 giải Nhất, 45 giải Nhì, 50 giải Ba và 33 giải Khuyến khích. Đặc biệt Hà Nội có 22 học sinh thuộc các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, Sinh học được dự thi vòng 2 chọn đội tuyển dự thi quốc tế.

Olympic Toán và Khoa học quốc tế IMSO 17 năm 2021, đội tuyển Hà Nội đại diện cho Việt Nam đạt 02 Huy chương vàng, 10 Huy chương bạc và 08 Huy chương đồng. Kỳ thi Olympic Quốc tế dành cho các Thành phố lớn (IOM) - lần thứ V do Mát-xcơ-va, Liên Bang Nga tổ chức, đội tuyển Hà Nội đại diện Việt Nam đã vinh dự đạt Cúp Bạc đồng đội và Top 5 thành phố xuất sắc nhất trong cuộc thi tốc độ Blitz-contest, trong đó 8 thí sinh Hà Nội đạt 05 Huy chương vàng, 01 Huy chương Bạc và 02 Huy chương Đồng.

Giáo dục dạy nghề: Tính đến tháng 3/2021, trên địa bàn Thành phố có 364 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề. Trong đó, 67 trường cao đẳng, 82 trường trung cấp, 75 trung tâm giáo dục nghề nghiệp/dạy nghề và 140 doanh nghiệp, loại hình khác. Trong 3 tháng đầu năm 2021, các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố đã tuyển sinh được 14,5 nghìn lượt người, đạt 6,6% kế hoạch tuyển sinh năm 2021 và giảm 49,3% so với cùng kỳ năm trước.

4. Tình hình dịch bệnh

Dịch Covid-19 xuất hiện trở lại trên địa bàn Thành phố vào cuối tháng 01/2021. Ngay sau khi có thông báo ca mắc mới ngoài cộng đồng, toàn bộ hệ thống chính trị của Thành phố kích hoạt triển khai các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 lên cao hơn một mức. Rà soát, siết chặt việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch trên địa bàn, đặc biệt tại những nơi tập trung đông người có nguy cơ lây nhiễm cao. Trong quý I/2021, công tác phòng, chống dịch được ngành y tế phối hợp cùng các cấp, các ngành của Thành phố chủ động triển khai quyết liệt, kịp thời, phù hợp với diễn biến dịch bệnh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thành ủy và UBND Thành phố. Nhờ đó, sau 20 ngày điều tra truy vết thần tốc, khoanh vùng xử lý khu vực ổ dịch, khu vực có liên quan đến các ca dương tính, Thành phố đã không còn ca lây nhiễm bệnh trong cộng đồng, kịp thời ngăn chặn dịch Covid-19 bùng phát.

Từ ngày 16/02/2021 đến nay thành phố Hà Nội không xuất hiện ca mắc mới ngoài cộng đồng. Tính từ đầu năm đến ngày 25/3/2021, toàn thành phố đã ghi nhận: 51 trường hợp mắc Covid-19, trong đó 35 ca mắc ngoài cộng đồng và 16 ca từ nước ngoài đã được cách ly ngay khi nhập cảnh. Tất cả các điểm liên quan đến ca bệnh dương tính đều đã kết thúc phong tỏa. Trên địa bàn thành phố không còn trường hợp F1, F2 nào đang phải cách ly. Từ ngày 09/3/2021, thành phố Hà Nội bắt đầu triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho các nhóm đối tượng ưu tiên theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Y tế. Tính đến ngày 23/3/2021 đã tiêm phòng vắc xin đợt I cho 6.251 người.

Dịch bệnh khác: Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn Thành phố có 01 ca mắc dại; 46 ca mắc sốt xuất huyết; 24 ca mắc tay chân miệng; 01 ca mắc não mô cầu. Dự báo, trong quý II và quý III hàng năm là giai đoạn dịch bệnh sốt

xuất huyết, tay chân miệng gia tăng theo chu kỳ. Vì vậy, ngành y tế cần có biện pháp phòng, chống dịch chủ động cùng các cấp chính quyền và nhân dân Thủ đô ngăn ngừa dịch bùng phát trên địa bàn Thành phố.

5. Hoạt động văn hóa, thể thao

Trong quý I/2021, Thành phố đã tổ chức nhiều hoạt động phục vụ sự kiện chính trị trọng đại của đất nước như: Lễ kỷ niệm 75 năm Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 và đặc biệt là các hoạt động thông tin, tuyên truyền chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Những tháng đầu năm, mặc dù là cao điểm mùa lễ hội Xuân, nhưng trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Thành phố đã hạn chế đến mức thấp nhất hoặc dừng tổ chức các hoạt động lễ hội, đóng cửa các di tích, cơ sở thờ tự, tôn giáo trên địa bàn từ 0 giờ ngày 16/2/2021, tránh tập trung đông người để giảm nguy cơ lây lan dịch bệnh, bảo đảm an toàn sức khỏe cho cộng đồng. Sang tháng Ba, dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, từ ngày 13/3/2021 thành phố Hà Nội đồng ý cho các di tích, cơ sở thờ tự, tôn giáo đã hoạt động trở lại.

Về hoạt động thể thao, trong quý I/2021 Thành phố tổ chức 08 đoàn với 29 huấn luyện viên, 182 vận động viên đi tập huấn trong nước. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch tập huấn, đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao phù hợp với tình hình thực tiễn. Bên cạnh đó, Hà Nội tiếp tục triển khai công tác chuẩn bị Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 (SEA Games 31) và Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 11 (ASEAN Para Games) năm 2021 đảm bảo về cơ sở vật chất và thời gian thi đấu.

6. Trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Theo số liệu tổng hợp từ Công an thành phố Hà Nội, tình hình trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ tháng Ba (từ 15/02/2021 đến 14/03/2021) trên địa bàn Hà Nội như sau:

Phạm pháp hình sự: Trong tháng đã phát hiện 283 vụ phạm pháp hình sự, giảm 3,4% so với tháng trước, trong đó có 226 vụ do công an khám phá được. Số đối tượng vi phạm bị bắt giữ theo luật là 386 đối tượng, giảm 12,3%. Phát hiện, bắt giữ 148 vụ tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, giảm 72,8% so với tháng trước; số đối tượng phạm pháp là 157 đối tượng, giảm 72,7%, thu nộp ngân sách 97,7 tỷ đồng.

Tội nạn xã hội: Trong tháng đã phát hiện 44 vụ cờ bạc, giảm 60,7% so với tháng trước; bắt giữ 284 đối tượng, giảm 47,5%. Tổng số vụ tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy bị phát hiện trong tháng là 166 vụ, giảm 43,3% so với

tháng trước, bắt giữ 225 đối tượng, giảm 47,8%. Trong đó, xử lý hình sự 135 vụ với 160 đối tượng, giảm 51,1% về số vụ và giảm 50,8% về số đối tượng. Số vụ mại dâm bị phát hiện là 02 vụ, bắt giữ 02 đối tượng.

Tai nạn giao thông: Trong tháng, trên địa bàn Thành phố không xảy ra tai nạn giao thông đường thủy và đường sắt; đã xảy ra 63 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 22 người chết và 47 người bị thương, trong đó có 23 vụ nghiêm trọng làm chết 22 người và bị thương 11 người; 40 vụ va chạm, tai nạn ít nghiêm trọng làm bị thương 36 người.

Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ: Trong tháng, số vụ vi phạm về bảo vệ môi trường bị phát hiện là 295 vụ với 295 đối tượng; số vụ vi phạm về bảo vệ môi trường bị xử lý là 372 vụ với 374 đối tượng; thu nộp ngân sách hơn 2,1 tỷ đồng.

Cũng trong tháng Ba, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 29 vụ cháy làm chết 01 người và làm bị thương 4 người, trong đó có 01 vụ cháy nghiêm trọng làm 01 người chết; 01 vụ cháy lớn làm bị thương 01 người; 10 vụ cháy trung bình làm 03 người bị thương; 15 vụ cháy nhỏ và 02 vụ cháy rừng. Thiệt hại về tài sản do các vụ cháy gây ra đang được các cơ quan chức năng tiếp tục xác minh đánh giá.

Khái quát lại, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn; ở trong nước dịch Covid-19 bùng phát trở lại cuối tháng Một tại một số địa phương và Hà Nội đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thành phố, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, hiệu quả của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố, sự nỗ lực, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân Thủ đô, kinh tế - xã hội Thành phố quý I/2021 vẫn đạt được các kết quả quan trọng, vừa phòng, chống, dập dịch hiệu quả, vừa đảm bảo xu hướng phục hồi đà tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội. Bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn những tồn tại, khó khăn, thách thức: Kinh tế duy trì tăng trưởng thấp hơn kịch bản đầu năm, các ngành, lĩnh vực vận tải, du lịch, dịch vụ, giải quyết việc làm, giáo dục, đào tạo gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 - Năm đầu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, đòi hỏi các cấp, các ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021, đồng thời tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; hạn chế tối đa, không để dịch phát sinh và lây lan trong cộng đồng. Chủ động theo dõi, bám sát tình hình, chuẩn bị sẵn sàng các kịch bản, tình huống, biện pháp, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn vắc xin, để ứng phó kịp thời và phòng chống hiệu quả dịch bệnh. Thực hiện tốt “mục tiêu kép” - Vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của Thành phố. Thực hiện đồng bộ các hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh như chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi, các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai, nhân lực...; khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chuyển đổi số, khuyến công, khuyến nông, sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Ba là, tập trung đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công ngay từ những tháng đầu năm; huy động tốt nguồn vốn tư nhân cho đầu tư phát triển. Tiếp tục tháo gỡ về thủ tục cho các nhà đầu tư, đẩy nhanh tiến độ cấp phép, thực hiện các dự án; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thực hiện quyết liệt các giải pháp giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai dự án, nhất là các dự án trọng điểm, công trình lớn, quan trọng, thiết yếu, có sức lan tỏa, các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Bốn là, chủ động bám sát diễn biến thời tiết, tăng cường các biện pháp phòng chống dịch tả lợn châu Phi, dịch cúm A/H5N6 trên đàn gia cầm. Nhanh chóng thực hiện việc tái đàn lợn, phát triển ổn định đàn bò, đàn gia cầm, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng diện tích cây năng suất, chất lượng cao; cơ cấu lại các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, sản xuất theo hướng hàng hóa; ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình GAP, VietGAP, rau hữu cơ...

Năm là, chú trọng phát triển hạ tầng sản xuất, tập trung hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và kêu gọi các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao. Quan tâm phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; xây dựng và thực hiện kế hoạch kích cầu tiêu dùng, chương trình khuyến mại tập trung năm 2021. Xây dựng và thực hiện các kịch bản phục hồi tăng trưởng ngành du lịch Thủ đô; kích cầu, phát triển du lịch nội địa, tạo ra các sản phẩm, địa điểm du lịch đặc sắc, hấp dẫn du khách, đồng thời tăng cường tuyên truyền quảng bá thu hút khách du lịch đến với Hà Nội.

Sáu là, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Chăm lo đời sống người có công với cách mạng; giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Tăng cường bảo đảm trật tự an toàn xã hội và phòng chống cháy nổ trên địa bàn Thành phố./. 

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- Quận ủy, Huyện ủy, Thị ủy;
- UBND Quận, huyện, thị xã;
- Cục Thống kê một số tỉnh, TP;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Đậu Ngọc Hùng

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu Quý I năm 2021

	Đơn vị tính	Ước tính quý I năm 2021	Quý I năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (theo giá so sánh 2010)	%	-	5.17
2. Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	72753	101.0
3. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	-	100.04
4. Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	67165	108.2
5. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Tỷ đồng	8280	119.2
6. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	107.7
7. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	751057	106.4
8. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	145860	106.8
9. Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác	Tỷ đồng	47677	101.7
10. Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	3118	99.0
11. Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	6988	104.0
12. Doanh thu hoạt động ngành vận tải	Tỷ đồng	33143	109.0
13. Khách du lịch đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ)	1000 Lượt khách	280	12.3
<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>1000 Lượt khách</i>	<i>50</i>	<i>7.5</i>

2. Chỉ số phát triển Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh 2021

	%	
	Thực hiện	Ước tính
	quí I	quí I
	năm 2020	Năm 2021
TỔNG SỐ	4.13	5.17
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	-1.04	2.51
Công nghiệp và xây dựng	5.59	7.99
+ Công nghiệp	5.28	8.01
Dịch vụ	3.88	4.54
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	4.23	4.79

3. Thu - Chi ngân sách nhà nước

	<i>Tỷ đồng; %</i>		
	Ước tính	Quý I	Quý I
	quí I	năm 2021	năm 2021
	năm	so với	so với cùng kỳ
	2021	dự toán	năm trước
TỔNG THU TRÊN ĐỊA BÀN	72753	30.9	101.0
1. Thu dầu thô	296	23.6	21.1
2. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	5082	27.3	109.0
3. Thu nội địa (không kể dầu thô)	67375	31.2	102.2
Trong đó:			
- Khu vực kinh tế Nhà nước	11826	23.2	91.4
- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	6471	31.5	98.1
- Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	14949	28.9	95.6
- Thuế thu nhập cá nhân	9215	35.6	94.4
- Thu tiền sử dụng đất	5543	24.4	97.1
- Thu lệ phí trước bạ	1852	23.7	106.7
- Thu phí và lệ phí	6124	34.8	103.0
TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	14192	13.1	-
Trong đó:			
1. Chi đầu tư phát triển	4212	8.2	-
2. Chi thường xuyên	9980	21.1	-

4. Tín dụng ngân hàng

1000 Tỷ đồng; %

	Thực hiện đến tháng 02 năm 2021	Ước tính đến tháng 3 năm 2021	Tháng 3 năm 2021 so với tháng 12 năm 2020	Tháng 3 năm 2021 so với tháng trước
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG	3773	3777	100.7	100.1
<i>Tiền gửi</i>	3516	3520	100.7	100.1
Tiền gửi tiết kiệm	1438	1440	100.5	100.1
Tiền gửi thanh toán	2078	2080	100.8	100.1
<i>Phát hành giấy tờ có giá</i>	257	257	100.1	100.0
Trong đó: Đồng Việt Nam	257	257	100.1	100.0
TỔNG DƯ NỢ	2217	2220	100.7	100.1
<i>Phân theo kì hạn</i>				
Dư nợ ngắn hạn	889	892	101.3	100.2
Dư nợ trung và dài hạn	1328	1328	100.3	100.0
<i>Phân theo nội ngoại tệ</i>				
Dư nợ bằng VND	1963	1966	100.8	100.1
Dư nợ bằng Ngoại tệ	254	254	100.3	100.0

**5. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ
tháng 3 năm 2021**

	Tháng 3 năm 2021 so với				%
	Kỳ gốc 2019	Tháng 3 năm 2020	Tháng 12 năm 2020	Tháng 02 năm 2021	Bình quân quý I năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	104.76	101.12	101.53	99.79	100.04
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	109.37	100.28	100.86	98.46	100.61
<i>Trong đó: Lương thực</i>	<i>106.17</i>	<i>102.61</i>	<i>102.01</i>	<i>99.82</i>	<i>103.18</i>
<i>Thực phẩm</i>	<i>109.69</i>	<i>99.20</i>	<i>101.02</i>	<i>97.76</i>	<i>99.54</i>
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	<i>109.79</i>	<i>102.42</i>	<i>99.99</i>	<i>99.81</i>	<i>102.66</i>
Đồ uống và thuốc lá	103.47	101.59	100.97	99.59	101.40
May mặc, mũ nón và giày dép	101.13	100.22	100.24	99.98	100.17
Nhà ở, điện, nước và vật liệu xây dựng	106.56	103.48	103.31	100.35	100.80
Thiết bị và đồ dùng gia đình	101.33	100.66	100.04	99.95	100.78
Thuốc và dịch vụ y tế	102.44	100.27	100.04	100.00	100.32
<i>Trong đó: Dịch vụ khám sức khỏe</i>	<i>102.32</i>	<i>100.00</i>	<i>100.00</i>	<i>100.00</i>	<i>100.00</i>
Giao thông	96.99	100.29	105.83	102.36	94.87
Bưu chính viễn thông	98.57	98.86	99.63	99.78	98.91
Giáo dục	106.94	102.71	100.02	100.01	102.72
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	<i>107.27</i>	<i>102.85</i>	<i>100.00</i>	<i>100.00</i>	<i>102.85</i>
Văn hoá, giải trí và du lịch	96.52	99.14	100.15	98.89	96.65
Hàng hóa và dịch vụ khác	106.52	100.39	99.99	99.81	100.35
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	132.29	115.45	98.32	96.49	122.33
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	99.60	99.24	99.57	100.02	99.44

6. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành

	<i>Tỷ đồng; %</i>		
	Thực hiện	Ước tính	Quý I
	quý IV	quý I	năm 2021
	năm	năm	so với cùng kỳ
	2020	2021	năm trước
TỔNG SỐ	150771	67165	108.2
Vốn nhà nước trên địa bàn	51131	23902	117.2
Vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước	24084	12566	113.6
Vốn tín dụng đầu tư phát triển	21	1734	18569.6
Vốn vay từ các nguồn khác (của khu vực Nhà nước)	18767	6551	103.5
Vốn đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước (Vốn tự có)	6979	2567	101.1
Vốn huy động khác	1280	484	103.4
Vốn ngoài nhà nước	83523	36006	103.4
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	16117	7257	105.5

7. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

	<i>Tỷ đồng; %</i>					
	Kế hoạch	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Quý I	Quý I
	năm	tháng 02	tháng 3	quý I	năm 2021	năm 2021
	2021	năm	năm	năm	so với	so với cùng kỳ
		2021	2021	2021	kế hoạch	năm trước
TỔNG SỐ	50838	2073	3017	8280	16.3	119.2
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	23585	1271	1746	4736	20.1	118.9
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	14835	870	1234	3225	21.7	100.3
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>10151</i>	<i>478</i>	<i>744</i>	<i>1838</i>	<i>18.1</i>	<i>100.6</i>
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	550	14	19	50	9.0	203.3
Vốn nước ngoài (ODA)	7840	369	471	1397	17.8	202.4
Xổ số kiến thiết	360	18	22	64	17.7	124.3
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	25004	685	1139	3109	12.4	119.1
Vốn cân đối ngân sách huyện	22069	609	1008	2726	12.3	125.8
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>13101</i>	<i>329</i>	<i>527</i>	<i>1414</i>	<i>10.8</i>	<i>132.6</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	2935	76	131	383	13.1	86.1
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	2249	117	132	435	19.4	122.4
Vốn cân đối ngân sách xã	2031	105	116	394	19.4	147.7
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>1598</i>	<i>51</i>	<i>76</i>	<i>235</i>	<i>14.7</i>	<i>106.1</i>
Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	218	12	16	41	19.1	46.7

8. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 3 năm 2021

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)			
Lúa đông xuân	86889	84934	97.8
Các loại cây khác			
Ngô	9900	9569	96.7
Khoai lang	1680	1320	78.6
Đậu tương	2067	1363	65.9
Lạc	1793	1696	94.6
Rau các loại	22236	22149	99.6
Đậu các loại	307	280	91.2
CHĂN NUÔI			
Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Tấn)			
Trâu	433	440	101.6
Bò	2798	2800	100.1
Lợn	51643	53050	102.7
Gia cầm	37003	39980	108.0

9. Kết quả sản xuất vụ đông năm 2021

	Thực hiện vụ đông năm trước	Ước tính vụ đông năm báo cáo	Vụ đông năm báo cáo so với vụ đông năm trước (%)
Sản lượng lương thực có hạt (Tấn)	33408	32843	98.3
Diện tích, năng suất và sản lượng một số cây trồng			
<i>Ngô</i>			
Diện tích thu hoạch (Ha)	6326	6173	97.6
Năng suất thu hoạch (Tạ/ha)	52.8	53.2	100.7
Sản lượng thu hoạch (Tấn)	33408	32843	98.3
<i>Khoai lang</i>			
Diện tích thu hoạch (Ha)	1379	1162	84.3
Năng suất thu hoạch (Tạ/ha)	93.7	92.6	98.8
Sản lượng thu hoạch (Tấn)	12916	10762	83.3
<i>Đậu tương</i>			
Diện tích thu hoạch (Ha)	1767	1182	66.9
Năng suất thu hoạch (Tạ/ha)	16.3	18.3	112.5
Sản lượng thu hoạch (Tấn)	2873	2162	75.3
<i>Lạc</i>			
Diện tích thu hoạch (Ha)	205	225	110.0
Năng suất thu hoạch (Tạ/ha)	23.0	24.5	106.5
Sản lượng thu hoạch (Tấn)	471	551	117.2
<i>Rau các loại</i>			
Diện tích thu hoạch (Ha)	13856	13806	99.6
Năng suất thu hoạch (Tạ/ha)	229.0	232.5	101.6
Sản lượng thu hoạch (Tấn)	317269	321040	101.2

10. Chỉ số sản xuất công nghiệp

	%			
	Tháng 02 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 3 năm 2021 so với tháng trước	Tháng 3 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	Quý I năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	88.6	112.9	108.1	107.7
Khai khoáng	106.8	107.8	115.7	103.0
Khai khoáng khác	106.8	107.8	115.7	103.0
Công nghiệp chế biến, chế tạo	87.6	114.0	108.1	107.9
Sản xuất chế biến thực phẩm	85.3	126.6	114.1	107.0
Sản xuất đồ uống	103.9	107.1	117.6	114.4
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	89.1	141.0	105.4	108.7
Dệt	77.8	119.2	104.3	101.7
Sản xuất trang phục	91.8	107.4	122.5	112.5
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	85.6	120.0	115.2	109.4
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	97.8	109.9	111.5	112.8
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	97.8	114.6	114.7	113.1
In, sao chụp bản ghi các loại	86.7	114.4	119.9	110.9
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	100.2	125.3	126.4	118.0
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	81.3	110.4	99.6	102.6
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	83.4	115.3	93.8	100.1
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	90.9	112.6	115.3	109.5
Sản xuất kim loại	81.1	116.8	97.9	103.3
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	86.9	111.0	89.3	99.9
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	86.7	116.6	117.6	119.1
Sản xuất thiết bị điện	83.3	118.6	113.2	112.2
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	94.7	116.9	109.7	113.3
Sản xuất xe có động cơ	90.9	115.5	99.3	110.6
Sản xuất phương tiện vận tải khác	85.4	109.6	100.2	101.2
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	82.7	109.8	113.4	107.4
Công nghiệp chế biến chế tạo khác	87.3	127.1	99.6	105.0
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	87.5	107.5	106.4	105.3

10. Chỉ số sản xuất công nghiệp (Tiếp)

	%			
	Tháng 02 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 3 năm 2021 so với tháng trước	Tháng 3 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	Quý I năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	96.9	104.2	106.8	106.1
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	96.9	104.2	106.8	106.1
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	101.2	102.8	109.0	106.8
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	101.6	101.2	109.3	106.2
Thoát nước và xử lý nước thải	95.3	100.9	115.0	106.9
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	104.1	105.8	105.8	107.5

11. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	so với cùng kỳ năm trước (%)	
		tháng 02	tháng 3	quý I	Tháng 3	Quý I
		năm	năm	năm	năm	năm
		2021	2021	2021	2021	2021
Đá xây dựng	1000 M3	550	593	1736	115.6	103.0
Sữa và kem chưa cô đặc	1000 Lít	6911	7722	22233	113.4	125.1
Sữa và kem dạng bột	Tấn	52	97	226	110.2	74.1
Kẹo cứng, kẹo mềm	Tấn	3297	3596	11522	109.4	114.3
Bia các loại	1000 Lít	14443	14283	51636	98.3	116.0
Thuốc lá có đầu lọc	Triệu bao	94	133	383	105.4	108.7
Quần áo người lớn (trừ sơ mi)	1000 Cái	1542	1540	4741	126.4	111.8
Áo sơ mi cho người lớn dệt kim	1000 Cái	2921	3094	9495	129.4	115.2
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim	1000 Cái	5552	6218	18880	111.4	108.3
Giày, dép	1000 Đôi	1469	1690	5113	120.1	117.5
Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	5603	6780	20640	101.1	103.3
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	1000 Chiếc	6236	7925	23561	104.0	100.2
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 Chiếc	26509	30462	86581	151.1	124.1
Giấy và bìa nhãn	Tấn	9078	9895	28829	105.7	108.7
Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh	Tấn	5241	6032	17179	99.9	108.1
Sổ sách, vở, giấy thép	Tấn	481	721	2155	88.2	102.2
Phân bón các loại	Tấn	20402	27319	71104	117.5	130.6
Thuốc trừ sâu	Tấn	1124	1124	3371	117.7	101.7
Thuốc kháng sinh dạng viên	Triệu viên	47560	52164	171827	99.5	105.8
Thuốc kháng sinh dạng bột/ cốm	Kg	9464	10469	33441	102.1	110.0
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Tấn	239	254	812	94.6	91.4
Dung dịch đậm huyết thanh	1000 Lít	816	930	2641	102.6	105.6
Cửa bằng plasstic	Tấn	6139	6216	19744	78.8	91.9
Sản phẩm bằng plastic còn lại	Tấn	1626	2383	6760	106.4	105.5
SP vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	1000 Cái	271	325	935	105.2	103.9
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	1000 M ³	213	257	777	114.2	107.3
Thép không gỉ các loại	Tấn	2717	3304	9253	101.6	98.1
Ổng không nối, mặt cắt tròn bằng thép	Tấn	5037	5943	18345	113.7	112.1
Cửa bằng sắt, thép	1000 M2	64	68	218	83.4	86.9

11. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu (Tiếp)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 02 năm 2021	Ước tính tháng 3 năm 2021	Ước tính quý I năm 2021	so với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 3	Quý I
					năm	năm
					2021	2021
Máy copy - in	1000 Cái	298	350	1078	100.9	117.0
Điện thoại di động từ 3 đến 6 triệu đồng	1000 Cái	238	223	742	169.4	173.9
Trạm (thiết bị) thu phát gốc	1000 Cái	35	84	240	87.9	82.4
Máy biến thế điện các loại	Chiếc	520	482	1550	88.4	106.3
Bộ phận thiết bị và điều khiển điện	Tấn	31	44	133	86.3	86.4
Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	1000 Cái	24	49	127	199.5	155.4
Quạt công suất không quá 125W	1000 Cái	209	303	789	107.8	109.2
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa trọng tải ≤ 5 tấn	Chiếc	298	359	1094	93.5	133.7
Thiết bị khác dùng cho động cơ	1000 Cái	2182	2276	7365	117.9	132.4
Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 Cái	33901	36360	117743	90.7	103.2
Bộ phận của tua bin phản lực và tua bin cánh quạt	cái	358	405	1218	44.4	80.8
Xe mô tô, xe máy xi lanh ≤ 250cc	Chiếc	42195	44443	145048	102.3	100.5
Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Tấn	17563	19660	58930	101.4	102.1
Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	1000 Chiếc	63	71	212	101.5	107.4
Bàn bằng gỗ các loại	1000 Chiếc	418	458	1397	101.1	118.5
Ghế có khung bằng kim loại	1000 Chiếc	120	124	374	104.2	99.0
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	2234	2328	7155	106.7	106.1
Nước uống được	1000 M ³	19678	19817	59208	111.7	105.9

12. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội

	<i>Tỷ đồng; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 02	tháng 3	quý I	Tháng 3	Quý I
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	235861	239930	751067	107.8	106.4
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	28072	28670	87020	98.6	93.2
Ngoài Nhà nước	192324	195500	615354	109.9	109.2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	15465	15760	48693	100.5	99.5
Chia theo ngành hoạt động					
Thương nghiệp	194998	198550	617078	106.2	107.6
Khách sạn, nhà hàng	3488	3540	11665	128.6	101.1
Du lịch lữ hành	404	415	1282	250.6	69.9
Dịch vụ	36971	37425	121042	114.1	101.7
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	45123	45975	145870	111.6	106.8
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	7551	7760	23719	105.3	100.9
Ngoài Nhà nước	35035	35650	114270	113.1	108.6
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	2537	2565	7881	111.0	101.4
Chia theo ngành hoạt động					
Bán lẻ hàng hóa	30397	31015	98194	109.2	109.5
Khách sạn, nhà hàng	3488	3540	11665	128.6	101.1
Du lịch lữ hành	404	415	1282	250.6	69.9
Dịch vụ	10834	11005	34729	111.4	103.7
Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)					
Nhà nước	16.7	16.9	16.3	-	-
Ngoài Nhà nước	77.7	77.4	78.3	-	-
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	5.6	5.6	5.4	-	-

13. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

	<i>Tỷ đồng; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	so với cùng kỳ năm trước	
	tháng 02	tháng 3	quý I	Tháng 3	Quý I
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
TỔNG SỐ	30397	31015	98194	109.2	109.5
<i>Phân theo nhóm hàng</i>					
Lương thực, thực phẩm	6876	7045	22735	106.8	112.3
Hàng may mặc	2052	2065	6790	107.6	111.4
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	3670	3700	12101	100.1	110.3
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	533	535	1691	106.4	98.9
Gỗ và vật liệu xây dựng	689	695	2164	108.6	107.7
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	3607	3650	11264	107.5	102.8
Phương tiện đi lại, trừ ô tô (kể cả phụ tùng)	894	900	2879	105.1	105.1
<i>Trong đó: xe đạp và phụ tùng xe đạp</i>	<i>97</i>	<i>97</i>	<i>291</i>	<i>106.1</i>	<i>101.5</i>
Xăng, dầu các loại	4995	5150	15546	114.6	102.2
Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu)	400	410	1189	123.2	117.1
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	702	690	2112	108.2	105.4
Hàng hóa khác	5106	5300	17083	116.5	119.5
Doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	873	875	2640	113.0	109.9

**14. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành
và dịch vụ tiêu dùng khác**

	<i>Tỷ đồng; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 02	tháng 3	quý I	Tháng 3	Quý I
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
TỔNG SỐ	14726	14960	47677	116.9	101.7
<i>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</i>	3488	3540	11665	128.6	101.1
Dịch vụ lưu trú	162	164	706	287.4	82.7
Dịch vụ ăn uống	3326	3376	10959	125.3	102.6
<i>Du lịch lữ hành</i>	404	415	1283	250.6	69.9
<i>Dịch vụ tiêu dùng khác</i>	10834	11005	34729	111.4	103.7

15. Kim ngạch xuất khẩu

	<i>Triệu USD; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 02	tháng 3	quý I	Tháng 3	Quý I
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
TỔNG SỐ	867	1078	3118	100.8	99.0
Phân theo khu vực kinh tế					
Khu vực kinh tế trong nước	450	578	1605	101.1	90.7
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	417	500	1513	100.5	109.7
Phân theo nhóm hàng					
Hàng nông sản	50	53	141	61.6	70.0
<i>Trong đó: + Gạo</i>	22	24	61	85.9	89.9
+ Cà phê	16	16	48	71.3	85.9
Hàng may, dệt	112	119	384	82.8	90.0
Giày dép các loại và SP từ da	20	20	78	125.4	124.6
Linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi	122	136	466	72.9	97.2
Hàng gốm sứ	15	16	51	93.6	107.0
Xăng dầu	45	46	127	127.0	57.6
Máy móc thiết bị phụ tùng	126	137	434	98.4	109.8
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	24	25	84	94.2	117.8
Phương tiện vận tải và phụ tùng	90	97	283	99.9	84.3
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	40	42	141	80.1	104.9
Điện thoại và linh kiện	23	26	92	196.8	206.5
Hàng hoá khác	200	361	837	141.5	114.7

16. Kim ngạch nhập khẩu

	<i>Triệu USD; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 02	tháng 3	quý I	Tháng 3	Quý I
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
TỔNG SỐ	2108	2177	6988	90.0	104.0
Phân theo khu vực kinh tế					
Khu vực kinh tế trong nước	1625	1678	5382	90.0	104.0
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	483	499	1606	89.9	104.1
Phân theo nhóm hàng					
Máy móc thiết bị, phụ tùng	408	428	1315	87.4	112.0
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	152	160	534	88.3	117.3
Phương tiện vận tải và phụ tùng	127	132	453	109.6	128.6
Hàng điện gia dụng và linh kiện	64	65	196	99.0	105.9
Xăng dầu	154	155	538	170.2	84.7
Sắt thép	93	96	296	65.8	88.4
Chất dẻo	83	85	279	81.2	95.1
Thức ăn gia súc	65	51	188	133.0	145.7
Vải	56	57	180	74.3	100.9
Kim loại khác	80	80	232	104.5	117.7
Ngô	56	57	189	188.6	158.3
Sản phẩm chất dẻo	50	53	167	84.1	106.2
Sản phẩm hóa chất	50	52	168	76.1	106.0
Hàng hóa khác	670	706	2253	81.3	96.0

17. Vận tải hành khách và hàng hoá

	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)	
	tháng 02	tháng 3	quí I	tháng 3	Quý I
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	31712	32649	101357	122.9	100.8
Đường bộ	31654	32590	101153	123.0	100.8
Đường thủy	58	59	204	81.1	70.5
II. Luân chuyển (Triệu HK.km)	698	787	2343	114.2	102.2
Đường bộ	697	786	2341	114.3	102.3
Đường thủy	1	1	2	66.2	66.2
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	68145	72624	213696	118.7	110.8
Đường bộ	65610	69892	205415	118.9	111.0
Đường thủy	2416	2601	7912	112.5	105.4
Đường sắt	119	131	369	128.1	115.0
II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)	6109	6451	19029	110.4	105.7
Đường bộ	1801	1883	5721	114.9	110.0
Đường thủy	4301	4561	13285	108.5	103.9
Đường sắt	7	8	23	137.6	118.7

18. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

	<i>Tỷ đồng; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 02	tháng 3	quý I	Tháng 3	Quý I
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
TỔNG SỐ	10439	11306	33143	116.8	109.0
<i>Vận chuyển hành khách</i>	1497	1695	4963	116.9	102.2
Đường bộ	1493	1691	4947	117.1	102.4
Đường thủy	4	4	16	71.8	65.0
<i>Vận tải hàng hóa</i>	3544	3790	11163	125.9	113.1
Đường bộ	2343	2470	7378	129.9	115.3
Đường thủy	1192	1310	3757	118.9	109.0
Đường sắt	9	10	28	151.4	122.9
<i>Kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải</i>	4693	5077	14807	110.9	108.2
<i>Bưu chính chuyển phát</i>	705	744	2210	115.9	111.2

19. Khách du lịch

	<i>1000 lượt khách; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước	
	tháng 02	tháng 3	quý I	Tháng 3	Quý I
	năm	năm	năm	năm	năm
	2021	2021	2021	2021	2021
Khách du lịch					
Khách đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ)	71	150	280	56.2	12.3
a. Khách trong nước	60	133	230	76.0	14.3
<i>Chia ra</i>					
- Khách trong ngày	36	68	126	82.8	16.2
- Khách ngủ qua đêm	24	65	104	69.9	12.5
b. Khách quốc tế	11	17	50	18.4	7.5
Khách do cơ sở lữ hành phục vụ	16	25	59	70.3	18.5
- Khách quốc tế	3	4	11	13.5	5.3
- Khách trong nước	13	21	48	305.9	41.2

20. Trật tự, an toàn xã hội

	Đơn vị tính	tháng 3 năm 2021
Tai nạn giao thông		
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	63
Đường bộ	"	63
Đường sắt	"	-
Đường thủy	"	-
Số người chết	Người	22
Đường bộ	"	22
Đường sắt	"	-
Đường thủy	"	-
Số người bị thương	Người	47
Đường bộ	"	47
Đường sắt	"	-
Đường thủy	"	-
Cháy, nổ		
Số vụ cháy, nổ	Vụ	29
Số người chết	Người	1
Số người bị thương	"	4